

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36 /2025/DS – ST.
Ngày: 31-3-2025
V/V tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn
2. Ông Hồ Sĩ Tiến

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 744/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX- ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐHPT-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Số D đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.

Ông Đinh Việt Q, chức vụ: Giám đốc phòng xử lý nợ là Người đại diện theo ủy quyền, theo Quyết định số 3368A/ QĐ-NHKL ngày 21-8-2023 của Phó Tổng Giám đốc về việc ủy quyền phê duyệt, thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, chuyên viên Xử lý nợ Thẻ và Tài chính vi mô – Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K (Theo văn bản ủy quyền số: 658/ QĐ-NHKL ngày 11-03-2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà Nguyễn Minh Thu M1, sinh năm 1987. Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ. Là Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K theo Giấy ủy quyền số 64/QĐ-NHKL ngày 09/01/2025 của Giám đốc Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP K tại TP ..(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Hà Hải S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-5-2024, trong quá trình tố tụng Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Minh Thu M1 trình bày:

Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0267/20/TC/2400-06938 ký ngày 24-11-2020, ông Võ Hà Hải S có vay của Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng K) với nội dung cụ thể như sau:

- Loại thẻ: JCB
- Hạn mức: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: tiêu dùng
- Thời hạn vay: 36 tháng
- Lãi suất cho vay: 28%/năm
- Lãi suất chậm trả: 3.5%/ số tiền chậm trả
- Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày

- Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 10 hàng tháng.

Tiền lãi vay được tính bằng (=) Dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) lãi suất vay (%/năm) Số ngày vay thực tế chia (:)/365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%. Tỷ lệ này do K1 quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ.

Số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kỳ = 5%*(Dư nợ cuối kỳ- số tiền vượt mức trong kỳ- số tiền trả góp trong kỳ)+ Số tiền vượt hạn mức trong kỳ + số tiền trả góp trong kỳ

Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ – các khoản đã thanh toán trong kỳ + Các khoản chi tiêu trong kỳ + Phí + Lãi.

Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Võ Hà Hải S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 23.600.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.600.000đồng (gốc 4.293.597 đồng, lãi trong hạn 11.583.842đồng, tổng phí 7.722.561đồng).

Kể từ ngày 15-9-2021, ông S không thanh toán nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận tại bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ ngày 16-9-2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 17-3-2025, ông Võ Hà Hải S còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể:

Khoản mục	Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 0267/20/TC/2400-06938 ký ngày 24-11-2020
Vốn gốc còn lại	19.306.403
Lãi suất trong hạn	12.956.520
Tổng cộng (Phí chậm trả, phí	18.987.264

vượt, phí thường niên)	
Tổng Cộng:	51.250.187

(Bằng chữ: Năm mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Võ Hà Hải S phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 17-3-2025 là: 51.250.187 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 18-3-2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP K.

2. Bị đơn- ông Võ Hà Hải S trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

3.1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm thời hạn xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Võ Hà Hải S, ông S có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông Võ Hà Hải S, cung cấp địa chỉ tại số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu ông S đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, ông S vắng mặt. Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0267/20/TC/2400-06938 ngày 24-11-2020, ông Võ Hà Hải S có ký với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng K) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2, loại thẻ JCB, hạn mức 20.000.000 đồng,

mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 28%/năm, lãi suất chậm trả 3.5%/ số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức 0.075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vay là ngày 10 hàng tháng.

Trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Võ Hà Hải S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 23.600.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.600.000đồng (trong đó gốc 4.293.597 đồng, lãi trong hạn 11.583.842đồng, tổng phí 7.722.561đồng).

Tính đến ngày 17-3-2025, ông S còn nợ Ngân hàng TMCP K là: 51.250.187 đồng . Cụ thể là:

+ Số tiền gốc: 19.306.403đồng

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15-9-2021 đến ngày 17-3-2025: 12.956.520 đồng.

+Tổng cộng (Phí chậm trả, phí vượt, phí thường niên):18.987.264 đồng.

[2.1]. Xét về số nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy:

Theo các điều khoản của hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16-9-2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 19.306.403đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) với thời gian vi phạm theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, cũng như các quy định của Ngân hàng N2 tại từng thời điểm và phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về các loại phí: Các quy định về thỏa thuận lãi phí, thời hạn thanh toán của thẻ tín dụng được quy định trong phụ lục 01 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 ban hành kèm theo Quyết định 1445/QĐ-NHKL ngày 10-9-2021.

Căn cứ Quyết định 4619/QĐ-NHKL ngày 01-12-2023 V/v Ban hành Hạn mức, biểu phí dịch vụ Thẻ và Ngân hàng K. Các Quyết định về lãi suất và biểu phí được K1 niêm yết thông báo trên website và cho khách hàng khi cấp thẻ theo đúng quy định.

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau:

“ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng: “Chỉ tổ chức phát hành thẻ được thu phí của chủ thẻ. Tổ chức phát hành thẻ thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ

thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của Tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi. Các hình thức thông báo và cung cấp thông tin về phí cho chủ thẻ phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Thời gian từ khi thông báo đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu tính các loại phí của nguyên đơn.

Như vậy, đã đủ căn cứ buộc ông Võ Hà Hải S phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 17-3-2025 là: 51.250.187 đồng. Cụ thể là:

+ Số tiền gốc: 19.306.403 đồng

+ Số tiền lãi quá hạn: 12.956.520 đồng.

+ Tổng cộng (Phí chậm trả, phí vượt, phí thường niên): 18.987.264 đồng.

Và khoản lãi phát sinh từ ngày 18-3-2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hà Hải S phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K v/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Võ Hà Hải S.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Võ Hà Hải S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 17-3-2025 là: 51.250.187 đồng. Cụ thể là:

+ Số tiền gốc: 19.306.403 đồng

+ Số tiền lãi quá hạn: 12.956.520 đồng.

+ Tổng cộng (Phí chậm trả, phí vượt, phí thường niên): 18.987.264 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 18-3-2025, ông Võ Hà Hải S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Hà Hải S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.562.509đ (Hai triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm lẻ chín đồng).

+ Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 900.000đ(Chín trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP K theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004364 ngày 07-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm,(đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVT;
- Chi cục thi hành án dân sự TPVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị Cúc

